TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 23-02-2024
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vy Văn Lâm.

2. Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại D Viện Kiểm sát nhân dânhuyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST–DS ngày 08/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS, ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty luật TNHH Naci Law; người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quý T, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Khu V16, tầng 4 tòa nhà S, số 35 L, phường T, quận TX, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/6/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vương Thị L, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn X, xã HT, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông L Văn S, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn X, xã HT, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Phan Thanh S, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức D và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức D trình bày: Ông Nguyễn Đức D là con rể của bà Vương Thị L, năm 2016 vợ ông Nguyễn Đức D chết do mắc bệnh hiểm nghèo. Do muốn mua đất gần nhà bà Vương Thị L để thuận tiện chăm sóc các con nên đầu năm 2022 ông Nguyễn Đức D đã đưa cho bà Vương Thị L tổng số tiền là 2.800.000.000 đồng (đưa làm hai lần, lần đầu là 1.900.000.000 đồng, lần hai là 900.000.000 đồng) mục đích nhờ bà Vương Thị L mua hộ 01 mảnh đất. Số tiền này ông Nguyễn Đức D có được là do bán mảnh đất được bố mẹ đẻ cho từ trước khi kết hôn với con gái bà Vương Thị L, vì bà Vương Thị L là người thân trong nhà, cũng là người chăm sóc các con của ông D nên ông hoàn toàn tin tưởng, chính vì vậy khi giao nhận tiền không lập văn bản hay giấy tờ. Ngày 15/02/2022, bà Vương Thị L viết giấy viết tay thừa nhận đã cầm của ông 2.800.000.000 đồng để mua một mảnh đất ở X, xã HT với giá 2.000.000.000 đồng. Bà L từng trao đổi sẽ sang nhượng 01 mảnh đất thuộc đất của gia đình bà L với giá 2.000.000.000 đồng cho ông nhưng đến nay vẫn chưa sang tên đất, hơn nữa ông cho rằng mảnh đất đó giá trị không đến 2.000.000.000 đồng. Do đó ông đã yêu cầu bà Vương Thị L trả lại toàn bộ tiền nhưng bà chưa thực hiện.

Ông thừa nhận bà Vương Thị L có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Trong quá trình hòa giải, ông D đã tự nguyện trả cho bà L một khoản tiền công sức chăm sóc con nhưng bà không đồng ý. Ông D đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu đưa ông Liễu Văn S tham gia với tư cách bị đơn nhưng do không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên ông rút yêu cầu này. Ông thừa nhận đã nhận lại từ bà Vương Thị L số tiền 37.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền ga và 27.000.000 đồng bà Vương Thị L đã đưa cho ông Phan Thanh S để lấy lại sổ đỏ cho ông Nguyễn Đức D. Nay ông yêu cầu bà Vương Thị L phải hoàn trả một lần số tiền 2.763.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi. Trường hợp bà Vương Thị L nhất trí trả nợ thì đề nghị bà nêu rõ phương thức và thời gian trả nợ.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Vương Thị L trình bày: Vào khoảng đầu năm 2022, bà có được cầm số tiền 2.800.000.000 đồng để mua đất hộ ông Nguyễn Đức D. Hai bên đã thỏa thuận, nhất trí bà sẽ sang tên cho ông Nguyễn Đức D một mảnh đất của bà tại X, xã HT với số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ gửi ngân hàng sau khi các con của ông Nguyễn Đức D đủ 18 tuổi thì bà sẽ làm nhà cho. Do ông Nguyễn Đức D không yêu cầu nên bà chưa làm thủ tục sang tên đất, một thời gian sau ông Nguyễn Đức D không muốn lấy đất mà yêu cầu tôi trả lại tiền. Tuy nhiên, do bà đã dùng số tiền 2.000.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.800.000.000 đồng để trả nợ các khoản tiền ăn uống học tập sinh hoạt của hai con ông Nguyễn Đức D, khoản tiền đi vay mượn để đưa cho ông Nguyễn Đức D xây nhà và khi vợ ông Nguyễn Đức D (cũng là con gái của bà) đi viện điều trị bệnh ung thư. Toàn bộ số tiền 2.000.000.000 đồng này không có khoản nào là nợ chung của vợ chồng bà. Số tiền này đều do bà tự đi vay và trả nợ, ông Liễu Văn S (chồng bà Vương Thị L) không biết gì và cũng không được sử dụng số tiền trên.

Đối với số tiền bà Vương Thị L đã cho ông Nguyễn Đức D vay để làm nhà, số tiền đi vay mượn để cho con gái chữa bệnh bà không có yêu cầu gì; còn đối với khoản tiền bà Vương Thị L đã bỏ ra để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu là Nguyễn

Ánh D và Nguyễn Ngọc D (các con của ông Nguyễn Đức D) từ khi còn nhỏ đến bây giờ do bà chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Bà nhất trí trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D, tuy nhiên bà cần thời gian để bán đất và chờ ông Nguyễn Đức trả tiền nuôi dưỡng hai con thì bà mới có tiền nên bà không thể xác định được cụ thể thời gian nào sẽ trả tiền cho ông Nguyễn Đức D.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Liễu Văn S trình bày: Toàn bộ số tiền 2.800.000.000 đồng ông Nguyễn Đức D đều đưa trực tiếp và do bà Vương Thị L cầm. Ông không liên quan cũng không được chi tiêu vào khoản tiền này, do vậy việc trả tiền cho ông Nguyễn Đức D như thế nào đều do bà Vương Thị L quyết định. Ông đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh S trình bày: Ông được cùng ông Nguyễn Đức D đến nói chuyện với vợ chồng bà Vương Thị L liên quan đến số tiền 27.000.000 đồng mà bà Vương Thị L bỏ ra để lấy sổ đỏ cho anh Nguyễn Đức D đang thế chấp tại Ngân hàng. Nay ông Nguyễn Đức D khởi kiện bà Vương Thị L, ông không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 244 BLTTDS, các Điều 116, 117, 166, 191 của BLDS đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Vương Thị L có trách nhiệm trả số tiền 2.763.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 37.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn bà Vương Thị L có địa chỉ: Thôn X, xã HT, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liễu Văn S và ông Phan Thanh S. Tuy nhiên, những người vắng mặt đều đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết, ông Nguyễn Đức D giao nộp cho Tòa án 01 giấy viết tay đề ngày 15/02/2022 với nội dung bà Vương Thị L có cầm của ông Nguyễn Đức D số tiền 2.800.000.000 đồng, để mua một mảnh đất ở thôn X, xã HT là 2.000.000.000 đồng, còn lại 800.000.000 đồng hứa sẽ làm nhà cho. Bị đơn bà Vương Thị L thừa nhận giấy này do chính tay bà viết, bà có được cầm số tiền trên của ông Nguyễn Đức D. Tuy nhiên, bà Vương Thị L đã dùng số tiền 2.000.000.000 đồng để trả nợ các khoản tiền ăn uống học tập sinh hoạt của hai con ông Nguyễn Đức D, khoản tiền đi vay mượn để đưa cho ông Nguyễn Đức D xây nhà và khi vợ ông Nguyễn Đức D (cũng là con gái của bà) đi viện điều trị bệnh ung thư, số tiền còn lại bà đã mang gửi Ngân hàng. Như vậy, bà Vương Thị L đã thừa nhận có được cầm tiền của ông Nguyễn Đức D nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận giữa hai bên nên bà Vương Thị L phải chịu trách nhiệm dân sự đối với ông Nguyễn Đức D. Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức D thừa nhận sau khi đưa tiền cho bà Vương Thị L thì đã nhận lại 37.000.000 đồng và nhất trí trừ số tiền này vào tổng số tiền 2.800.000.000 đồng. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D về việc yêu cầu bà Vương Thị L phải trả lại toàn bộ số tiền 2.763.000.000 đồng.

[4] Bị đơn bà Vương Thị L quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuy đều nhất trí trả nợ nhưng bà trình bày hiện chưa có tiền phải chờ bán đất và phải chờ ông Nguyễn Đức D trả số tiền mà bà đã nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Ánh D và Nguyễn Ngọc D là con của ông Nguyễn Đức D từ khi còn nhỏ đến bây giờ thì mới có tiền trả nợ. Xét thấy đây chỉ là ý kiến của bị đơn, do bà Vương Thị L không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Do nguyên đơn ông Nguyễn Đức D rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 37.000.000 đồng nên cần đình chỉ yêu cầu đối với phần tiền này.

[7] Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Đức D đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu đưa ông Liễu Văn S tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn để cùng trả nợ với bà Vương Thị L. Do không có tài liệu chứng minh, nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D được chấp nhận nên bị đơn bà Vương Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Đức D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiến tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về về việc giải quyết vụ án gồm số tiền cần trả lại, lãi suất, số tiền nguyên đơn đã rút yêu cầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; còn yêu phương thức thanh toán, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, Điều 351, Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức D đối với bà Vương Thị L. Buộc bà Vương Thị L phải trả toàn bộ cho ông Nguyễn Đức D số tiền 2.763.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm trả đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền 37.000.000 đồng. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Bị đơn bà Vương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 87.260.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0004639 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thảo Nguyên